**Phụ lục**

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

**THUỘC LĨNH VỰC NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Kèm theo Công văn số ……/SKHĐT-VP ngày tháng năm 2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước)*

**Phần I:**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

| **STT** | **TÊN TTHC** | **CĂN CỨ PHÁP LÝ** | **CƠ QUAN THỰC HIỆN** | **GHI CHÚ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH** | | | | |
|  | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;  - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;  - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;  - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;  - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP;  - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
| **II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ** | | | | |
|  | Đăng ký hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký khi hợp tác xã chia | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký khi hợp tác xã tách | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
|  | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã | - Luật Hợp tác xã;  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. | Phòng Tài chính - Kế hoạch - UBND huyện |  |
| **III. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU** | | | | |
| **Mục 1. Lựa chọn nhà đầu tư** | | | | |
|  | Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Nhà đầu tư,  Bên mời thầu |  |
|  | Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Nhà đầu tư |  |
|  | Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Cơ quan, đơn vị thẩm định |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Cơ quan, đơn vị thẩm định,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Cơ quan, đơn vị thẩm định,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Cơ quan, đơn vị thẩm định,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Cơ quan, đơn vị thẩm định,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư | - Luật Đầu tư công;  - Luật Đấu thầu;  - Luật Đầu tư;  - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. | Bên mời thầu,  Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị,  Người có thẩm quyền |  |
| **Mục 2. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu** | | | | |
|  | Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ | - Luật Đấu thấu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Chủ đầu tư,  Bên mời thầu |  |
|  | Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | - Luật Đấu thấu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Bên mời thầu,  Nhà thầu |  |
|  | Lựa chọn nhà thầu qua mạng | - Luật Đấu thấu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Chủ đầu tư,  Bên mời thầu,  Nhà thầu |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKĐT. | Tổ chức thẩm định,  Chủ đầu tư |  |
|  | Phê duyệt danh sách ngắn | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT. | Chủ đầu tư |  |
|  | Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC. | Bên mời thầu |  |
|  | Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. | Bên mời thầu |  |
|  | Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. | Bên mời thầu |  |
|  | Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. | Bên mời thầu |  |
|  | Làm rõ hồ sơ dự thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. | Nhà thầu |  |
|  | Mở thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;  - Thông tư số 01/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT;  - Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT. | Bên mời thầu |  |
|  | Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Bên mời thầu |  |
|  | Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Chủ đầu tư,  Bên mời thầu,  Người có thẩm quyền |  |
|  | Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu | - Luật đấu thầu;  - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. | Chủ đầu tư,  Bên mời thầu,  Người có thẩm quyền,  Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị |  |

\_\_\_\_\_\_\_\_//\_\_\_\_\_\_\_\_